

**BIỂU 1: RÀ SOÁT DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ THỂ THU HÚT ĐẦU TƯ TRONG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Văn bản số /KHĐT-KTN ngày tháng /2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

ST T	Danh mục	Địa điểm	Diện tích đất đã thành lập (ha)	Diện tích đất theo dự án hạ tầng được phê duyệt/ hoặc theo thực tế của CCN	Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê (ha)	Diện tích đất công nghiệp đã cho thuê (ha)	Diện tích đất công nghiệp còn lại có thể cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>		<b>886.10</b>	<b>833.38</b>	<b>695.80</b>	<b>680.76</b>	<b>15.06</b>	<b>97.8384593</b>	
<b>I</b>	<b>KCN do nhà nước làm chủ đầu tư</b>		<b>677.1</b>	<b>650.9996</b>	<b>536.18</b>	<b>530.9</b>	<b>5.3</b>	<b>99.0152561</b>	
1	KCN Khánh Phú	huyện Yên Khánh	351	355.44	282.09	276.81	5.300	98.100	Lô B1.2: 4.739ha; lô C7 đất dự trữ phát triển 0.543ha
2	KCN Gián Khẩu	huyện Gia Viễn	262.1	210.5596	169.09	169.09		100	
3	KCN Tam Điệp I	thành phố Tam Điệp	64	85	85	85		100	
<b>II</b>	<b>KCN có nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng</b>		<b>209</b>	<b>182.38</b>	<b>159.62</b>	<b>149.86</b>	<b>9.76</b>	<b>93.885478</b>	
1	KCN Phúc Sơn	thành phố Ninh Bình	142	130.1	107.34	97.58	9.760	90.900	lô CN06: 4.6ha; lô CN05: 4ha; lô CN02: 1.16ha
2	KCN Khánh Cư	huyện Yên Khánh	67	52.28	52.28	52.28		100.000	còn 02 lô (CN1: 6.819ha, CN3: 16.369ha) chưa xây dựng